

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 5 – Đợt 2

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 26 – 27/5/2025

Ngày cung cấp TT: 28/5/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng đóng.
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng đóng.
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng đóng.
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng mở.
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Cổng đóng.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng mở.
7	7	Cổng Cổ Đàm	Cổng mở.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập mở 1 cánh.
10	13	Đầu kênh CG16	Cổng mở.
11	15	Đầu kênh S17	Cổng mở.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Cổng mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Như Trác, Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tràng, Công Kinh Thanh, Công Cổ Đàm, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Đập An Bài, Đầu kênh CG 16, Công 3-2, Cầu Chu, Cầu Yên Trung, Bể hút trạm bơm Quỹ Độ, Đầu kênh T5.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập Vũa.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh S17.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Nước trong, màu xanh lục. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông, trạm bơm không hoạt động.	6,39	15	6,18	0,1	0,039	0,446	328	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 6 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu lục.	6,98	20	7,56	0,1	0,023	0,536	270	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6 hoặc > 8,5		≥ 2						
3	Cổng Cốc Thành	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu lục, đục.	6,69	15	7,83	0,1	0,023	0,459	174	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	Cổng Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Cổng mở tiêu nước ra ngoài sông. Nước màu lục, đục. Hai bên bờ có nguồn nước thải dân sinh.	6,97	21	6,73	0,2	0,031	0,527	415	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
5	Cổng Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm	Trời nhiều mây, có mưa bụi, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h.	7,02	21	7,36	0,2	0,062	0,378	128	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục, trong. Trên kênh có chăn nuôi vịt.								đạt mức A.
6	Cống Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Cống mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục, có bèo.	6,95	27	6,8	0,2	0,039	0,182	123	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
7	Cống Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Cống mở, nước chảy ra	6,75	30	6,66	0,2	0,070	0,333	350	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		Huyện Ý Yên	sông. Nước màu nâu, đục. Trên kênh có nhiều bèo. Trạm bơm không hoạt động.								đạt mức A.
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu lục.	6,55	32	6,94	0,2	0,039	0,380	331	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải độc thành phố Nam Định.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm hướng về Sông Chanh. Nước màu xanh rêu. Hai bên bờ có nguồn nước thải dân sinh.	6,7	14	6,29	0,1	0,016	0,428	318	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh. Nước màu lục, đục. Khu vực lấy mẫu có nguồn nước thải khu công nghiệp.	7,57	16	6,28	0,4	0,023	3,038	753	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Không có dòng chảy, mực nước đầy. Nước màu lục.	7,1	16	5,73	0,2	0,047	0,320	337	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
12	Đập An Bái (sông)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió	6,74	20	6,66	0,2	0,101	0,353	364	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	Châu Giang)	Sắt, tười tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	ĐB 8 km/h. Cổng mở 1 cánh, nước sông Châu Giang chảy vào sông Sắt. Nước trong, màu xanh rêu.								trường pH, DO đạt mức A.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tười tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy nhỏ, cổng mở tiêu nước ra sông. Khu vực lấu mẫu đang sửa chữa cổng. Nước cạn, màu đỏ do bùn đất trong quá trình sửa chữa kênh.	6,29	25	6,01	0,3	0,031	0,216	624	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
14	Cổng 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tười tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Cổng mở, không có dòng chảy. Nước màu xanh rêu, trong.	6,52	19	6,7	0,1	0,039	0,569	270	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6 hoặc > 8,5		≥ 2						
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Cổng mở, tiêu nước ra sông Sắt. Nước trong, màu xanh rêu. Trên kênh có bèo, rác.	6,82	20	4,86	2	0,070	0,236	420	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Cổng mở tiêu nước ra sông Châu Giang. Nước màu lục, đục.	6,05	13	5,87	0,1	0,031	0,297	297	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy về hướng An Bài, nước trong, màu xanh rêu.	6,57	24	6,73	0,1	0,078	0,351	326	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6,5 – 8,5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8,5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8,5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu nâu đỏ, đục.	6,8	40	6,19	0,2	0,132	0,308	368	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
19	Bể hút trạm bơm Quỳ Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỳ Độ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 8 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu xanh lục, trong.	6,78	20	6,72	0,2	0,047	0,270	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu xanh lục, trong.	6,53	17	6,44	0,1	0,117	0,504	283	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn